TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-ST.
Ngày: 07-03-2025.
V/v "Tranh chấp dân sự
- Hợp đồng dịch vụ bơm tưới"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Trần Văn Đô;**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Ngô Văn Khon**;
2. Ông **Lê Văn Hoàng**;

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Phan Văn Phụng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Chí Phương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2024/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp dân sự - Hợp đồng dịch vụ bơm tưới"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST- DS, ngày 24/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS, ngày 18/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Trường X, sinh ngày 01/01/1947

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1971.

Bà Bùi Thị P, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông X có mặt; Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày*:**

Được sự thống nhất của cơ quan có thẩm quyền, ông X nhận chuyển nhượng Trạm bơm tưới của Công ty TNHH T1 theo hợp đồng số 10/HĐKT, ngày 03/11/1994. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông X tiến hành hoạt động bơm tưới cho các hộ dân có đất trong khu vực ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho đến nay. Theo thỏa thuận, các hộ dân đóng tiền lại cho ông X theo giá thỏa thuận. Đến năm 2023, giá bơm tưới mỗi vụ là 150.000 công/vụ, riêng năm 2024 giá bơm tưới là 160.000 đồng/vụ/công, các hộ dân đóng tiền đầy đủ cho ông X.

Trong khu vực bơm tưới, ông Nguyễn Thanh N đang canh tác diện tích như sau:

- Diện tích 3.660,4m^2 thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 12;
- Diện tích 1.293,1m^2 thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 12;
- Diện tích 1.460,4m^2 thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 12;
- Diện tích 1.504,6 m^2 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 13;
- Diện tích 1.484,7m^2 thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 13;
- Diện tích 1.664,3m^2 thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 12 (ông N nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị P nhưng chưa sang tên);

Như vậy, tổng diện tích ông N đang trực tiếp canh tác là 11.067,5m^2 và không ai cùng canh tác. Phần đất này trước đây do ông Nguyễn Văn C canh tác và đóng tiền. Cách đây khoảng 10 năm, ông N là con của ông C trực tiếp canh tác và đóng tiền bơm tưới hàng năm. Tuy nhiên, ông N chỉ thanh toán số tiền bơm tưới chỉ 09 công (tương ứng 9.000m^2). Sau đó, UBND xã A và Tổ hợp tác có động viên ông N trả tiền bơm tưới theo diện tích thực tế từ vụ Đông X1 và Hè Thu năm 2023; còn những vụ trở về trước ông X1 đồng ý giảm nhưng ông N không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Từ đó cho đến nay, ông N không thanh toán số tiền bơm tưới.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2024, ông X1 yêu cầu ông Nguyễn Thanh N trả số tiền bơm nước tưới tiêu sản xuất vụ Đông X1 và Hè Thu năm 2023 số tiền là là 5.090.000 đồng. Tuy nhiên, ông X1 xác định diện tích 1.484,7m^2 thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 13, ông N không canh tác. Do đó, ông X1 rút yêu cầu ông N trả tiền bơm tưới đối với thửa này; chỉ yêu cầu ông N thanh toán tiền bơm tưới diện tích 9.582,8m^2 tương ứng 9,5 công. Ông X1 không yêu cầu đo đạc phần đất ông N đang canh tác mà căn cứ vào thông tin do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp để xác định diện tích.

Ông Lê Trường X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thanh N phải trả cho ông Lê Trường X số tiền bơm nước tưới tiêu sản xuất vụ Đông X1 và Hè Thu năm 2023 với giá dịch vụ là 150.000 đồng/công/vụ: 9.582,8 m^2 tương ứng 9,5 công x 02 vụ x 150.000

đồng = 2.850.000 đồng; vụ Đông Xuân năm 2024 với giá dịch vụ là 160.000 đồng/công/vụ: 9,5 công x 01 vụ x 160.000 đồng = 1.520.000 đồng. Tổng cộng 03 vụ là 4.370.000 đồng.

Ông X1 chỉ yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ trả tiền, không yêu cầu ai cùng có nghĩa vụ liên đới. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, các đương sự vắng mặt cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao, nộp: Biên bản xác minh ngày 10/5/2024 (bản phô tô có đối chiếu bản chính); Biên bản về việc ông N không đến hòa giải ngày 28/11/2023; Quyết định đình đình chỉ số 48/2024/QĐST-DS, ngày 24/5/2024; Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT, ngày 03/11/1994 (bản phô tô); Hợp đồng kinh tế ngày 06/11/2023 (có xác nhận UBND xã A ngày 07/11/2023);

Bị đơn và người liên quan giao nộp: Không có.

Tài liệu do Tòa án thu thập: Công văn số 82/CNVPĐĐĐHTB-ĐKCG, ngày 10/01/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (hồ sơ đính kèm: Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, Quyền SH nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất; Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 20/8/2015; GCNQSDĐ cấp cho hộ Bùi Thị P ngày 27/8/2001; GCNQSDĐ cấp cho hộ Bùi Thị P ngày 16/11/2016; Sổ mục kê (Tất cả là bản sao));

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho các đương sự vắng mặt nhưng không ai có ý kiến phản bác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu như sau:

Về tố tụng: Việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Ông Lê Trường X có ký hợp đồng dịch vụ bơm tưới với Tổ hợp tác ấp Ba, xã A vào các vụ lúa năm 2023 và năm 2024. Qua lời trình bày của bà H và ông T xác định diện tích đất ông N đang trực tiếp canh tác diện tích 9.582,8m^2 tương ứng 9,5 công. Số liệu diện tích này được ông X thống nhất. Việc ông N sử dụng dịch vụ bơm tưới nhưng không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ.

Căn cứ Điều 351, điều 513 và Điều 519 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông X. Riêng diện tích 1.484,7m^2 thuộc thửa 45, tờ bản đồ số 13, ông X tự nguyện rút yêu cầu nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường X yêu cầu ông Nguyễn Thanh N có trách nhiệm trả số tiền bơm tưới còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng dịch vụ bơm tưới" theo quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông N, bà H, ông H1 và bà P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N, bà H, ông H1 và bà P.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của ông X về việc buộc ông N có nghĩa vụ trả số tiền bơm tưới các vụ Đông X1, Hè Thu năm 2023 và Đông X1 năm 2024 với số tiền là 4.370.000 đồng. Ông X1 chứng minh cho yêu cầu của mình là Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT, ngày 03/11/1994; Hợp đồng kinh tế ngày 06/11/2023 và Hợp đồng kinh tế ngày 06/11/2024.

Hội đồng xét xử nhận định: Ông X1 là Chủ đầu tư trạm bơm thuộc ấp B, xã A, huyện T theo hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT, ngày 03/11/1994. Theo thỏa thuận, ông X1 thực hiện việc bơm tưới cho các hộ dân có đất canh tác trong ô đê bao thuộc ấp B, xã A, huyện T và được quyền trực tiếp thu tiền từ các hộ dân theo giá thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo hợp đồng , vụ lúa Đông X1 và Hè Thu năm 2023 giá tiền thu của các hộ dân với mức giá 150.000 đồng/1.000m^2; vụ lúa Đông Xuân năm 2024 giá tiền bơm tưới là 160.000 đồng/1.000m^2. Theo thỏa thuận, ông X1 đã trực tiếp bơm tưới đầy đủ cho các hộ dân xuống giống với sự thống nhất của Tổ hợp tác. Ông N trực tiếp canh tác diện tích 9.582,8m^2 (Trong đó: Diện tích 3.660,4m^2 thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 12; diện tích 1.293,1m^2 thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 12; diện tích 1.460,4m^2 thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 12; diện tích 1.504,6 m^2 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 13 và diện tích 1.664,3m^2 thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 12 (nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị P nhưng chưa sang tên)). Việc ông N canh tác diện tích đất được bà Nguyễn Thị H (là chị ruột ông N) và ông Đào Văn T (là Tổ trưởng Tổ hợp tác) cùng xác nhận. Căn cứ vào Văn bản số 82/CNVPĐKĐĐHTB-ĐKCG, ngày 10/01/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp thông tin các thửa đất thì diện tích ông

N trực tiếp canh tác là phù hợp lời trình bày của ông X1.

Ông N đóng tiền thuê đầy đủ cho ông X1 theo thỏa thuận. Tuy nhiên, ông N không đóng tiền các vụ lúa Đông X1, Hè Thu năm 2023 và vụ Đông Xuân 2024. Việc ông N không thực hiện trả tiền là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 515 và Điều 519 Bộ luật dân sự. Do đó, ông X1 yêu cầu của ông N trả tiền bơm tưới là có cơ sở.

Phần diện tích 1.484,7m^2 thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 13, ông N không canh tác nên ông X1 rút yêu cầu đối với thửa này. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết về việc ông X1 yêu cầu ông N trả tiền bơm nước đối với thửa này.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng ông N vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đồng thời, ông N cũng đã được thông báo kết quả phiên họp, kèm các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, ông N không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Mặt khác, ông N cũng không có gì chứng minh cho việc trả tiền bơm tưới.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357, Điều Điều 468; Điều 513, Điều 515 và Điều 519 Bộ luật dân sự xác định yêu cầu của ông X1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc ông N có nghĩa vụ trả cho ông X1 số tiền dịch vụ bơm tưới còn thiếu là 4.370.000 đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 351, Điều 357, Điều 468, Điều 513, Điều 515 và Điều 519 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235, Điều 244 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Trường X;

- Buộc ông Nguyễn Thanh N trả cho ông Lê Trường X số tiền dịch vụ còn thiếu trong vụ lúa Đông X1 - Hè Thu năm 2023 và vụ lúa Đông Xuân năm 2024 là 4.370.000 đồng (Bốn triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Lê Trường X về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh N trả 720.000 (Bảy trăm hai mươi nghìn) đồng tiền bơm tưới diện tích 1.484,7m^2 thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Trường X được quyền khởi kiện lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Thanh Bình;
- CC THADS H. Thanh Bình;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đô